

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẠM HỮU LÂU

BÁO CÁO KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023
(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo)

1. Các chỉ số về tài chính		
	Thu ngân sách	Năm trước liền kề năm báo cáo
Thu - Chi Ngân sách		
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH	12.252.630.000
1	Năm trước chuyển sang	-
2	Nguồn chi không thường xuyên	1.072.630.000
3	Nguồn chi thường xuyên	6.692.000.000
4	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL	142.000.000
5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND	4.346.000.000
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	11.075.677.175
1	Dự toán chuyển sang năm sau	539.829.452
2	Nguồn chi không thường xuyên	1.010.662.529
3	Nguồn chi thường xuyên	5.515.047.175
4	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL	558.000
5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND	3.947.612.548
6	Dự toán bị hủy	61.967.471
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	1.176.952.825
1	Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	117.695.283
2	Trích quỹ khen thưởng	58.847.641
3	Trích quỹ bổ sung thu nhập	765.019.336
4	Trích quỹ phúc lợi	235.390.565
Thu - Chi Sự Nghiệp		
Tổng thu		25.628.897.640
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động ngoài giờ chính khóa	11.755.193.002
1	Tăng cường Tiếng Anh	736.361.000
2	Học phí 2 buổi	318.034.500
4	Năng khiếu	2.040.704.000
6	Vệ sinh phí	145.043.000
7	Kỹ năng sống	1.157.844.000
8	Tin học	578.815.001
9	Tin học tăng cường	330.810.000
10	Tiếng Anh Bản ngữ	1.306.547.000
11	Tiếng Anh Toán + khoa	3.351.075.000
12	Bơi	618.563.001
13	Phần mềm TA	1.171.396.500
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án	670.993.200
1	Tiếng Anh Tích hợp	670.993.200

III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ công tác bán trú	2.392.722.000
1	Tiền mua sắm thiết bị vật dụng cho học sinh bán trú	99.800.000
2	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý vệ sinh bán trú	2.292.922.000
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho các nhân học sinh	10.768.189.557
1	- Tiền ăn bán trú	8.818.277.420
2	- Tiền học phẩm học cụ	119.651.151
3	Tiền nước uống	252.759.450
4	Tiền điện	381.391.584
5	BHYT	1.035.073.452
6	Tiền khám sức khoẻ ban đầu	91.740.000
7	Tiền sổ liên lạc điện tử	69.296.500
V	Thu khác	41.799.881
1	Lãi ngân hàng	8.923.131
2	Hoa hồng bán sách, đồng phục	32.876.750
Tổng chi		25.628.897.640
I	Các khoản chi phục vụ cho hoạt động ngoài giờ chính khoá	10.535.815.931
1	Tăng cường Tiếng Anh	560.304.500
2	Học phí 2 buổi	234.896.548
4	Năng khiếu	1.751.565.150
6	Vệ sinh phí	142.142.140
7	Kỹ năng sống	1.149.595.040
8	Tin học	518.810.043
9	Tin học tăng cường	241.335.720
10	Tiếng Anh Bản ngữ	1.202.844.300
11	Tiếng Anh Toán + khoa	3.205.325.918
12	Bơi	601.992.160
13	Phần mềm TA	927.004.412
II	Các khoản chi phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án	206.406.236
1	Tiếng Anh Tích hợp	206.406.236
III	Chi khác	1.259.500
1	Lãi ngân hàng	1.259.500
2	Hoa hồng bán sách, đồng phục	-
IV	Các khoản chi dịch vụ phục vụ công tác bán trú	2.280.269.154
1	Tiền mua sắm thiết bị vật dụng cho học sinh bán trú	99.800.000
2	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý vệ sinh bán trú	2.180.469.154
V	Các khoản chi hỗ trợ cho các nhân học sinh	10.360.880.790
1	- Tiền ăn bán trú	8.540.566.000
2	- Tiền học phẩm học cụ	76.760.000
3	Tiền nước uống	206.240.250
4	Tiền điện	357.482.000
5	BHYT	1.021.046.040
6	Tiền khám sức khoẻ ban đầu	91.740.000
7	Tiền sổ liên lạc điện tử	67.046.500
Các khoản khác		701.506.158

1	Trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	299.160.591
2	Các khoản chưa sử dụng hết chuyển qua năm sau	402.345.567
CHÊNH LỆCH THU CHI		1.542.759.871
1	Trích quỹ Cải cách tiền lương	617.103.948
2	Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	220.714.340
3	Trích quỹ khen thưởng	99.175.930
4	Trích quỹ bổ sung thu nhập	586.039.603
5	Trích quỹ phúc lợi	19.726.050

Hiệu trưởng



Trương Vĩnh Phương



